

1. Định nghĩa và Vai trò của Tính từ ghép (Compound Adjectives)

1.1. Định nghĩa

Tính từ ghép là tính từ được tạo thành bằng cách kết hợp hai hoặc nhiều từ với nhau để bổ nghĩa cho một danh từ. Các từ này thường được nối với nhau bằng dấu gạch nối (-) khi chúng đứng trước danh từ mà chúng bổ nghĩa.

Ví dụ: a **well-known** singer (một ca sĩ nổi tiếng), a **five-page** document (một tài liệu dài năm trang).

1.2. Vai trò

- **Làm cho câu văn súc tích, ngắn gọn:** Thay vì dùng một mệnh đề quan hệ dài, ta có thể dùng một tính từ ghép. Ví dụ: Thay vì nói "a report that is ten pages long", ta có thể nói "a **ten-page** report".
- **Tăng tính mô tả, biểu cảm:** Tính từ ghép giúp miêu tả sự vật, hiện tượng một cách sinh động và chính xác hơn. Ví dụ: "a **heart-breaking** story" (một câu chuyện đau lòng) có sức biểu cảm mạnh hơn.

2. Các cấu trúc thành lập Tính từ ghép phổ biến

Dưới đây là các công thức tạo tính từ ghép thường gặp nhất trong các kỳ thi và trong giao tiếp hàng ngày.

2.1. Tính từ + Danh từ-ed (Adjective + Noun-ed)

Công thức: Adjective + Noun-ed

Cấu trúc này thường được dùng để miêu tả đặc điểm ngoại hình, tính cách của người hoặc vật.

- Ví dụ 1: She is a **blue-eyed** girl. (Cô ấy là một cô gái có đôi mắt màu xanh.)
- Ví dụ 2: He is a **kind-hearted** man who always helps others. (Anh ấy là một người đàn ông tốt bụng, luôn giúp đỡ người khác.)
- Ví dụ 3: I don't want to talk to a **narrow-minded** person. (Tôi không muốn nói chuyện với một người hẹp hòi.)

2.2. Danh từ + Tính từ (Noun + Adjective)

Công thức: Noun + Adjective

Cấu trúc này kết hợp một danh từ và một tính từ để tạo ra một đặc điểm mới.

- Ví dụ 1: This is a **smoke-free** area. (Đây là khu vực không khói thuốc.)
- Ví dụ 2: The supermarket offers **duty-free** products. (Siêu thị cung cấp các sản phẩm miễn thuế.)
- Ví dụ 3: She became **world-famous** after her first movie. (Cô ấy trở nên nổi tiếng thế giới sau bộ phim đầu tiên của mình.)

2.3. Trạng từ + Quá khứ phân từ (Adverb + Past Participle)

Công thức: Adverb + V3/ed

Đây là một trong những dạng tính từ ghép phổ biến nhất, dùng để miêu tả trạng thái hoặc đặc điểm của đối tượng bị tác động.

- Ví dụ 1: The story is based on a **well-known** novel. (Câu chuyện được dựa trên một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng.)
- Ví dụ 2: We had dinner in a **brightly-lit** restaurant. (Chúng tôi đã ăn tối trong một nhà hàng được chiếu sáng rực rỡ.)
- Ví dụ 3: He is a **highly-respected** scientist in his field. (Ông ấy là một nhà khoa học rất được kính trọng trong lĩnh vực của mình.)

2.4. Tính từ + Quá khứ phân từ (Adjective + Past Participle)

Công thức: Adjective + V3/ed

Cấu trúc này tương tự cấu trúc trên nhưng dùng tính từ thay cho trạng từ.

- Ví dụ 1: My grandmother loves **old-fashioned** furniture. (Bà tôi yêu thích đồ nội thất kiểu cũ.)
- Ví dụ 2: You can buy **ready-made** meals at the convenience store. (Bạn có thể mua các bữa ăn được chế biến sẵn ở cửa hàng tiện lợi.)
- Ví dụ 3: The company is looking for **short-haired** models. (Công ty đang tìm kiếm người mẫu tóc ngắn.)

2.5. Danh từ + Quá khứ phân từ (Noun + Past Participle)

Công thức: Noun + V3/ed

Cấu trúc này mô tả đối tượng được tạo ra hoặc bị ảnh hưởng bởi danh từ đứng trước.

- Ví dụ 1: **Sun-dried** tomatoes have a very rich flavor. (Cà chua phơi khô có hương vị rất đậm đà.)

- Ví dụ 2: This beautiful statue is **man-made**. (Bức tượng xinh đẹp này là do con người tạo ra.)
- Ví dụ 3: My mom's **home-made** cakes are the best. (Bánh tự làm của mẹ tôi là ngon nhất.)

2.6. Tính từ + Hiện tại phân từ (Adjective + Present Participle)

Công thức: Adjective + V-ing

Cấu trúc này dùng để mô tả bản chất, đặc tính của một người hoặc vật.

- Ví dụ 1: He is a **good-looking** young man. (Anh ấy là một chàng trai ưa nhìn.)
- Ví dụ 2: This battery is designed for **long-lasting** performance. (Viên pin này được thiết kế để có hiệu suất lâu dài.)
- Ví dụ 3: My new colleague is very **easy-going**. (Đồng nghiệp mới của tôi rất dễ tính.)

2.7. Danh từ + Hiện tại phân từ (Noun + Present Participle)

Công thức: Noun + V-ing

Cấu trúc này mô tả hành động hoặc đặc tính liên quan đến danh từ đứng trước.

- Ví dụ 1: Learning a new language is a **time-consuming** process. (Học một ngôn ngữ mới là một quá trình tốn thời gian.)
- Ví dụ 2: The smell of the freshly baked bread was **mouth-watering**. (Mùi bánh mì mới nướng thật hấp dẫn.)

- Ví dụ 3: It was a **heart-breaking** decision to leave her hometown. (Đó là một quyết định đau lòng khi phải rời xa quê hương.)

2.8. Trạng từ + Hiện tại phân từ (Adverb + Present Participle)

Công thức: Adverb + V-ing

Tương tự cấu trúc Trạng từ + Quá khứ phân từ, cấu trúc này mô tả đặc tính chủ động của đối tượng.

- Ví dụ 1: She is known as a **hard-working** student. (Cô ấy được biết đến là một học sinh chăm chỉ.)
- Ví dụ 2: We are living in a **fast-moving** world. (Chúng ta đang sống trong một thế giới thay đổi nhanh chóng.)
- Ví dụ 3: The new policy will have **far-reaching** consequences. (Chính sách mới sẽ có những hệ quả sâu rộng.)

2.9. Số đếm + Danh từ (Number + Noun)

Công thức: Number + Noun (ở dạng số ít)

Đây là cấu trúc rất quan trọng, dùng để chỉ số lượng, thời gian, khoảng cách, giá trị. Lưu ý: danh từ trong cấu trúc này luôn ở dạng số ít.

- Ví dụ 1: I have a **ten-page** report to finish by tomorrow. (Tôi có một bài báo cáo dài 10 trang phải hoàn thành trước ngày mai.) (Không dùng 'ten-pages')
- Ví dụ 2: It's just a **five-minute** walk from here to the station. (Chỉ mất 5 phút đi bộ từ đây đến nhà ga.)
- Ví dụ 3: They have a **three-year-old** son. (Họ có một cậu con trai ba tuổi.)

2.10. Danh từ + Danh từ (Noun + Noun)

Công thức: Noun + Noun

Cấu trúc này thường được dùng để chỉ mục đích hoặc chất liệu.

- Ví dụ 1: Please buy me a **coffee table**. (Làm ơn mua cho tôi một cái bàn cà phê.)
- Ví dụ 2: I need to go to the **bus stop** now. (Tôi cần ra bến xe buýt ngay bây giờ.)
- Ví dụ 3: She wore a beautiful **gold ring**. (Cô ấy đeo một chiếc nhẫn vàng tuyệt đẹp.)

3. Những lưu ý quan trọng khi sử dụng Tính từ ghép

3.1. Vị trí và Dấu gạch nối (-)

Quy tắc quan trọng nhất là tính từ ghép **chỉ dùng dấu gạch nối khi nó đứng trước danh từ** mà nó bổ nghĩa. Khi cụm từ đó đứng sau danh từ (thường là sau động từ 'to be'), nó sẽ không có dấu gạch nối.

Có dấu gạch nối (Trước danh từ)	Không có dấu gạch nối (Sau danh từ)
She is a well-known writer.	This writer is well known .
It was a last-minute decision.	The decision was made at the last minute .
He gave me an up-to-date report.	The report is up to date .

3.2. Danh từ trong tính từ ghép luôn ở dạng số ít

Như đã đề cập ở mục 2.9, khi một danh từ được dùng trong tính từ ghép với số đếm, nó phải luôn ở dạng số ít.

- Đúng: a **20-dollar** bill
- Sai: a 20-dollars bill
- Đúng: a **two-week** vacation
- Sai: a two-weeks vacation

3.3. Không dùng gạch nối với trạng từ kết thúc bằng -ly

Khi trạng từ trong cụm từ kết thúc bằng đuôi -ly, ta không cần dùng dấu gạch nối.

- Đúng: a **highly qualified** teacher
- Sai: a highly-qualified teacher
- Đúng: a **beautifully designed** dress
- Sai: a beautifully-designed dress

4. Tổng kết

Việc nắm vững cách thành lập và sử dụng tính từ ghép không chỉ giúp bạn đạt điểm cao trong các bài thi ngữ pháp mà còn làm cho kỹ năng viết và nói tiếng Anh của bạn trở nên tự nhiên, linh hoạt và giàu hình ảnh hơn. Hãy thường xuyên luyện tập bằng cách nhận diện và tự tạo ra các tính từ ghép trong quá trình học và sử dụng tiếng Anh.